

## **PHONG CÁCH NGÔN NGỮ NGHỆ THUẬT**

### **I. Ngôn ngữ nghệ thuật :**

- Ngôn ngữ nghệ thuật là ngôn ngữ chủ yếu dùng trong các tác phẩm văn chương, không chỉ có chức năng thông tin mà còn thỏa mãn nhu cầu thẩm mỹ của con người..

VD: SGK

- NNNT bao gồm NN trong tác phẩm tự sự. NN trong tác phẩm trữ tình thường cô đọng , hàm súc hơn so với các tác phẩm tự sự, sân khấu.

### **II- Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật :**

#### **1. Tính hình tượng :**

- Tính hình tượng thể hiện qua cách diễn đạt thông qua hệ thống các hình ảnh, màu sắc, biểu tượng .. để người đọc dùng tri thức, vốn sống để liên tưởng, suy nghĩ.

- Để tạo tính hình tượng ngôn ngữ, người viết thường dùng các phép tu từ như : ẩn dụ, hoán dụ, so sánh , nói giảm nói tránh, điệp từ..

- Tính hình tượng làm cho NNNT trở nên đa nghĩa.

- Tính đa nghĩa của NNNT quan hệ mật thiết với tính hàm súc; lời ít, ý sâu xa rộng lớn  
(*bánh trôi nước*)

#### **2. Tính truyền cảm :**

Tính truyền cảm trong ngôn ngữ nghệ thuật thể hiện ở chỗ làm cho người nghe (đọc) cùng vui, buồn, yêu thích ... như chính người nói (viết)

#### **3. Tính cá thể hóa :**

Tính cá thể hóa thể hiện ở khả năng vận dụng các phương tiện diễn đạt chung của cộng đồng vào việc xây dựng hình tượng nghệ thuật của mỗi nhà văn, thơ.

\* **Kết Luận** Ghi nhớ (SGK)

### **III- Luyện tập :**

#### **1. Bài 1 :**

- Các phép tu từ : so sánh, ẩn dụ, hoán dụ, tượng trưng ... đặc điểm là cách nói hàm ẩn trong những ngữ cảnh tu từ.

#### **2. Bài 2 :** Tính hình tượng : cơ bản vì :

- Là phương tiện và là mục đích sáng tạo nghệ thuật.

- Trong hình tượng ngôn ngữ đã có những yếu tố gây cảm xúc và truyền cảm.

- Cách lựa chọn từ ngữ, sử dụng câu để xây dựng hình tượng nghệ thuật thể hiện cá tính sáng tạo nghệ thuật.

#### **3. Bài 3 :**

- Từ ngữ có nét nghĩa cảm xúc. ( canh cánh)

- Phải sát nghĩa và đảm bảo luật thơ.(vãi- giết)

#### **4. Bài 4 : So sánh :**

- Cách chọn từ ngữ để tạo hình tượng mùa thu.
- Nhịp điệu khác nhau
- Hình tượng 3 mùa thu ở 3 tác giả không cùng một thời đại, không giống nhau ở phong cách ngôn ngữ cá nhân (tính cá thể hóa)